

Bản án số: 164/2019/DS-PT

Ngày 14 tháng 5 năm 2019

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hủy hợp đồng tặng cho”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thành Văn

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Trí Tuấn

Bà Trần Thị Thu Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông V Hồng Cường- Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 510/2018/TLPT- DS ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hủy hợp đồng tặng cho”.

Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án dân sự sơ thẩm số 75/2018/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 261/2019/QĐXX-PT ngày 18 tháng 04 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1/ Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: số 56, tổ 02, ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh An Giang.

2/ Bà Lê Yên Ph, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: số 59, tổ 02, ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Nh và bà Ph:  
Luật sư Hồ Hoàng Ph, thuộc đoàn luật sư tỉnh An Giang, (có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Võ Văn Nhạo A, sinh năm 1966

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: số 385, tổ 14, ấp L2, xã L1, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nhạo A có bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966, địa chỉ cư trú: ấp L2, xã L1, huyện C, tỉnh An Giang, (theo văn bản ủy quyền ngày 29/01/2018). (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nhạo A và bà T:  
Luật sư Trần Tiến V, thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang, (có mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Võ Văn V, sinh năm 1995 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp L2, xã L1, huyện C, tỉnh An Giang.

2/ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang (vắng mặt)

Trụ sở: Quốc lộ 91, phường B, thành phố L3, tỉnh An Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện và tại các phiên hòa giải bà Nguyễn Thị Nh trình bày:** Bà có cho bà T vay 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng), lãi suất 2,5%/tháng vào ngày 02/4/2017 đã có làm biên nhận tay do bà T ký nhận, nhưng vợ chồng bà T và ông Nhạo A đều biết, bà nghĩ ông Nhạo A và bà T là vợ chồng nên chỉ bà T ký nhận là được nên không yêu cầu ông Nhạo A cùng ký vào biên nhận. Bà cho bà T vay tiền vì tin tưởng bà T làm ăn, bà T vay tiền này với mục đích để đi mua lúa và mua đất nông nghiệp. Kỳ hạn vay là qua mùa lúa (thường trong vòng 1 tháng). Nhưng đến hết hạn một tháng bà có đến tìm thì bà T hứa nhiều lần và cho rằng gạo chưa bán được, sau nhiều lần bà đến nhà đòi không có thì bà T và ông Nhạo A có đến nhà bà cho rằng vợ chồng bị cướp hết tiền giờ không có tiền để trả 01 lần cho bà nên yêu cầu được lo dần để trả, nhưng từ thời gian đó đến nay không có thiện chí trả. Chưa trả lãi được tháng nào và đất nông nghiệp do bà T và ông Nhạo A đứng tên cũng đã tặng cho con trai là ông Võ Văn V. Nay bà yêu cầu ông Võ Văn Nhạo A và bà Nguyễn Thị T cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 02/4/2017 đến khi xét xử.

**Nguyên đơn bà Lê Yến Ph trình bày:** Vào ngày 21/11/2016 (đã) bà có cho bà T vay 510.000.000 đồng (Năm trăm mười triệu đồng) và 06 cây vàng 24K loại 9999 có làm biên nhận tay do bà T ký tên, mục đích bà T vay tiền và vàng của bà để đi mua lúa và mua đất nông nghiệp. Lãi suất 3%/tháng, sau 01 tháng bà có điện thoại yêu cầu bà T trả lãi nhưng bà T cho rằng khi nào bà về thì bà T sẽ trả hết, vì thời gian này bà nuôi con gái sinh, không có ở nhà. Được 03 tháng bà về có đến nhà đòi thì bà T hứa để từ từ tính, nhưng sau đó bà được biết bà T đã tặng cho hết các phần đất nông nghiệp sang cho con trai tên Vũ. Nay bà yêu cầu ông Võ Văn Nhạo A và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 510.000.000 đồng (Năm trăm mười triệu đồng) và 06 cây vàng 24K loại

9999, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 21/11/2016 (âl) đến khi xét xử.

Ngoài ra nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh và bà Lê Yến Ph còn yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất từ vợ chồng bà Nguyễn Thị T ông Võ Văn Nhạo A tặng cho ông Võ Văn V mà ông V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Võ Văn Tú ngày 07/7/2017, cụ thể:

- + Giấy chứng nhận QSDĐ CS01840, thửa số 235, tờ bản đồ số 68, diện tích 3.049m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại xã L1, huyện C, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Võ Văn V ngày 07/7/2017;

- + Giấy chứng nhận QSDĐ CS02081, thửa số 182, tờ bản đồ số 68, diện tích 2.697m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại xã L1, huyện C, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Võ Văn V ngày 07/7/2017;

- + Giấy chứng nhận QSDĐ CS02080, thửa số 268, tờ bản đồ số 67, diện tích 2000m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại xã L1, huyện C, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Võ Văn V ngày 07/7/2017;

- + Giấy chứng nhận QSDĐ CS02781 thuộc tờ bản đồ số 67: Thửa số 59, diện tích 2.140m<sup>2</sup>; Thửa số 135, diện tích 4.882m<sup>2</sup>; Thửa 267, diện tích 2.800m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại xã L1, huyện C, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Võ Văn V ngày 07/7/2017.

**- Bị đơn bà Nguyễn Thị T và cũng là người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn Nhạo A trình bày:** Không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Nh đối với số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 02/4/2017 âl đến khi xét xử. Thừa nhận có mượn của bà Nh số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) nhưng vì bà đã đóng lãi quá nhiều trên số tiền đã mượn này. Số tiền 1.500.000.000 đồng này bà mượn của bà Nh 02 lần, 1 lần 1 tỷ vào năm 2012 đóng 1 tháng 25 triệu đồng tiền lãi và sau đó vài tháng mới mượn thêm 500 triệu đồng. Lãi suất 2,5%/tháng, hàng tháng bà đã đóng cho bà Nh mỗi tháng số tiền lãi cho 02 khoản vay là 37.500.000 đồng. Đóng từ lúc mượn tiền khoảng năm 2012 đến tháng 5/2017 thì ngưng do không còn khả năng đóng nữa. Không xác định được đã đóng bao nhiêu tiền lãi cho bà Nh, lúc đóng lãi không làm biên nhận và chỉ đóng lãi cho bà Nh, không ai biết việc bà đã đóng lãi cho bà Nh. Đối với hai lần mượn tiền này đều không làm biên nhận, nhưng do sau này bà bị bế nợ nên bà Nh mới yêu cầu bà ghi biên nhận này và chính là biên nhận bà Nh lấy để khởi kiện bà. Đối với số tiền bà mượn bà Nh 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) thì ông Nhạo A hoàn toàn không biết. Bà mượn tiền để làm ăn riêng, việc đi mua lúa này do bà tự làm không liên quan đến chồng là ông Nhạo A, nếu chồng bà cùng đi mua lúa với bà thì hai vợ chồng cùng đứng tên mượn chứ không phải ở đây chỉ có mình bà ký tên.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ph, bà hoàn toàn không đồng ý vì bà đã đóng lãi rất nhiều cho bà Ph từ năm 2012 đến tháng 4/2017 thì không còn khả năng đóng nữa nên ngưng. Mỗi tháng đóng 15.300.000 đồng tiền lãi cho số tiền

510.000.000 đồng, còn phần vàng thì 200.000 đồng/1 cây vàng (1 tháng đóng 1.200.000 đồng/6 cây vàng). Vàng mượn khoảng tháng 3/2012, tiền qua tháng 6/2013 mới mượn 510.000.000 đồng; 02 lần mượn này đều không làm biên nhận. Việc mượn tiền và vàng của bà Ph, chồng bà là ông Nhạo A hoàn toàn không biết. Bà mượn tiền và vàng này với mục đích mua lúa, nhưng do mua lúa lỗ nên mới lậm số tiền nhiều như thế này. Việc mua lúa này bà tự làm ăn riêng ông Nhạo A không đồng ý việc bà đi mua lúa nên bà phải tự mượn tiền và tự làm. Sau này bà Ph mới yêu cầu bà làm biên nhận mượn tiền và vàng, biên nhận này bà Ph lấy để khởi kiện bà.

Số tiền mượn của bà Nh, bà Ph nêu trên bà có dùng số tiền này để trả lãi lại cho bà Ph và bà Nh.

Đối với việc nguyên đơn bà Nh và bà Ph cùng có yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho các quyền sử dụng đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Võ Văn V ngày 07/7/2017 thì bà hoàn toàn không đồng ý. Vì đất nông nghiệp này là tài sản chung của vợ chồng bà và ông Nhạo A, do vợ chồng bà đã từng đem các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để thế chấp tại ngân hàng Nông nghiệp vay vốn làm ăn (là ông Nhạo A thỏa thuận miệng vay ngân hàng cho bà mượn vốn mua lúa) với số tiền hơn 600.000.000 đồng nhiều lần đáo hạn, nhưng đến năm 2017 thì con bà là Võ Văn V có mượn tiền của của bà Võ Thị B 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) để trả nợ vay cho ngân hàng khi đến hạn để lấy các giấy đất này ra nên vợ chồng bà phải sang tên đất này cho V (thực chất cũng như bán nhưng làm hợp đồng tặng cho để không phải chịu thuế). Nên không đồng ý theo yêu cầu của bà Nh và bà Ph hủy các hợp đồng tặng cho này. Việc tặng cho quyền sử dụng đất đúng quy định của pháp luật và hoàn thành trước khi bà Nh, bà Ph khởi kiện tại Tòa án. Số tiền trả nợ ngân hàng để lấy tài sản ra và làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất sang Vũ là Vũ mượn của bà Võ Thị B.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn V có văn bản trình bày:** Ngày 20/6/2017 ông và cha mẹ ông (ông Nhạo A, bà T) ký hợp đồng số 393, quyền số 01/2017/TP/CC-SCC/HĐGD “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” tại Văn phòng công chứng L, huyện C, tỉnh An Giang công chứng theo quy định pháp luật. Ngày 21/6/2017, ông nộp thủ tục đăng ký tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C. Ngày 07/7/2017 ông được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:

+ Giấy chứng nhận QSDĐ CS01840, thửa số 235, tờ bản đồ số 68, diện tích 3.049m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại xã L1, huyện C, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Võ Văn V ngày 07/7/2017;

+ Giấy chứng nhận QSDĐ CS02081, thửa số 182, tờ bản đồ số 68, diện tích 2.697m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại xã L1, huyện C, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Võ Văn V ngày 07/7/2017;

+ Giấy chứng nhận QSDĐ CS02080, thửa số 268, tờ bản đồ số 67, diện tích 2000m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại xã L1, huyện C, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Võ Văn V ngày 07/7/2017;

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên đã có hiệu lực pháp luật, đã hoàn thành từ thời điểm đăng ký, ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Tiền tất toán trả nợ Ngân hàng để lấy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nhạo A, bà T ra để tặng cho sang ông là do ông mượn của bà Võ Thị B. Các nguyên đơn cho rằng, bà T lấy tiền vay của các bà để trả nợ ngân hàng là không đúng.

Khi bà T vay tiền và vàng của bà Nh, bà Ph cả ông và những người trong gia đình hoàn toàn không hay biết. Đến khi các nguyên đơn khởi kiện và Tòa án huyện C tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án thì cả gia đình mới hay biết vụ việc này.

Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn Nhạo A, bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn V vô hiệu theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Yêu cầu hủy quyết định số 322/2018/QĐ-BPKCTT “Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời” ngày 29/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. Ông xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có yêu cầu độc lập để Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang có văn bản trình bày:** Qua rà soát việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn V, như sau:

Ông Võ Văn Nhạo A, bà Nguyễn Thị T được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ CH02081, CH02781, CH02780, CH01840 ngày 04/9/2014, 03/4/2015, 11/9/2013 với diện tích 17.568m<sup>2</sup> thửa đất số 182,59,135,267,268, 235, tờ bản đồ số 68, 67; mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước tại xã L1, huyện C, tỉnh An Giang.

Ngày 20/6/2017, ông Võ Văn Nhạo A, bà Nguyễn Thị T tặng cho các quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Võ Văn V theo hợp đồng tặng cho được Văn phòng công chứng Lý Thanh Dũng chứng nhận cùng ngày.

Ngày 21/6/2017, ông Võ Văn V nộp hồ sơ đăng ký tặng cho quyền sử dụng đất tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện C (thành phần hồ sơ đầy đủ theo quy định tại Điều 44, Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 của UBND tỉnh An Giang).

Ngày 30/6/2017, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C chỉnh lý biên động giấy chứng nhận tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn V. Do ông Võ Văn V có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 21/6/2017)

Ngày 07/7/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn V, cụ thể: 1). Giấy chứng nhận QSDĐ CS01840, thửa số 235, tờ bản đồ số 68, diện tích 3.049m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại xã L1, huyện C, tỉnh An Giang; 2). Giấy chứng nhận QSDĐ CS02081, thửa số 182, tờ bản đồ số 68, diện tích 2.697m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại xã L1, huyện C, tỉnh An Giang; 3). Giấy chứng nhận QSDĐ CS02080, thửa số 268, tờ bản đồ số 67, diện tích 2000m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại xã L1, huyện C, tỉnh An Giang; 4). Giấy

chứng nhận QSDĐ CS02781 thuộc tờ bản đồ số 67: Thửa số 59, diện tích 2.140m<sup>2</sup>; Thửa số 135, diện tích 4.882m<sup>2</sup>; Thửa 267, diện tích 2.800m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại xã L1, huyện C, tỉnh An Giang.

Căn cứ khoản 1, Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: *“Đối với địa phương đã thành lập Văn phòng đăng ký đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định này thì Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được cấp giấy chứng nhận, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng, trong các trường hợp: a). Khi người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản thực hiện các quyền của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất mà phải cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; b). Cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng”*.

Theo quy định trên thì Sở tài nguyên và Môi trường thực hiện cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của ông Võ Văn V là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định pháp luật. Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến việc tranh chấp quyền sử dụng đất nêu trên. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang cho phép Sở Tài nguyên và Môi trường vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

**- Ngày 02/8/2018 người làm chứng bà Võ Thị B cung cấp lời khai tại Tòa án với nội dung:** Bà làm được khoảng 25 công (25.000m<sup>2</sup>) đất chuyên trồng lúa, cũng tích lũy được một số tiền nhàn rỗi, không gửi Ngân hàng, chỉ cất giữ tại nhà. Có ý định mua thêm đất để canh tác, nhưng cháu Vũ đang cần tiền và mượn nên bà đồng ý cho mượn, chứ trước nay bà không cho ai vay mượn. Do chỗ cô cháu trong gia đình nên bà có cho ông Võ Văn V mượn (chứ không phải cho vay) số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) vào khoảng tháng 6/2017. Việc cho mượn tiền này có làm giấy tay. Trong giấy tay không thể hiện việc lãi suất bao nhiêu, nhưng giữa bà và V có thỏa thuận tính lãi theo quy định Nhà nước, chỉ thỏa thuận như vậy chứ cũng chưa nêu ra mức lãi suất Nhà nước là bao nhiêu %. Từ thời gian cho V mượn tiền đến nay chưa tính tiền lãi. Cũng tự nghĩ nếu V trả tiền cũng không lấy lãi gì hết, chỉ lấy lại phần tiền đã cho mượn 700.000.000 đồng, vì chỗ con cháu. Việc V mượn tiền của bà, V có nói là để trả nợ vay tại Ngân hàng cho ông Nhạo A và bà T, khi làm thủ tục chuyển quyền từ ông Nhạo A, bà T sang V xong thì V sẽ dùng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mình để làm thủ tục vay Ngân hàng trả lại khoản tiền mượn này cho bà. Nhưng do xảy ra vụ việc tranh chấp này, và V là người liên quan trong vụ án nên không thể dùng các tài sản này để làm thủ tục vay. Đến nay khoản tiền 700.000.000 đồng V mượn của bà vẫn chưa trả. Khi V trình bày mục đích mượn tiền để làm gì thì bà đưa số tiền nay cho V mượn luôn, không hứa hẹn ngày khác lại nhận, vì thầy đều là người trong gia đình và tiền cũng có sẵn trong nhà. Khi bà giao tiền cho ông V thì chỉ có bà và V. Giao cho V đủ 700.000.000 đồng, kiểm đủ số tiền thôi chứ bà không nhớ cụ thể các loại

mệnh giá nào, chỉ biết có nhiều loại mệnh giá. Sau đó bà có cho con trai bà (tên Võ Văn Tr) biết việc bà có cho V mượn số tiền 700.000.000 đồng. Việc cho mượn tiền này Tr không có ý kiến. Bà chỉ nghe V nói mượn tiền để trả Ngân hàng cho Nhạo A, bà T và lấy giấy đất ra để sang tên qua V. Hai vấn đề bà xác nhận hoàn toàn không biết. 1). V có dùng khoản tiền 700.000.000 đồng mượn của bà để trả cho khoản vay của ông Nhạo A bà T tại Ngân hàng hay không thì bà không biết; 2). Bà cũng không cùng V đến Ngân hàng để làm thủ tục nộp số tiền này để trả khoản vay cho ông Nhạo A, bà T. Việc cho mượn tiền giữa bà và ông V có làm giấy tay, chỉ có bà và ông V ký tên, không có người làm chứng. Nhưng lâu rồi bà không biết giấy mượn tiền này bà cất giữ ở đâu, không biết có tìm được không, nên không thể cung cấp cho Tòa án. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề mượn tiền này. Bà chỉ là người làm chứng trong vụ án, đối với nội dung vụ án bà không liên quan và bà cũng không có ý kiến gì. Do hoàn cảnh gia đình đơn chiếc, nên bà xin vắng mặt khi tòa án triệu tập tham gia các phiên hòa giải, đối chất và xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2018/DSST ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang quyết định:

- Buộc ông Võ Văn Nhạo A, bà Nguyễn Thị T phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền vốn và lãi tính đến ngày 29/8/2018 là 1.693.562.000đ (Một tỷ sáu trăm chín mươi ba triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

- Buộc ông Võ Văn Nhạo A, bà Nguyễn Thị T phải liên đới trả cho bà Lê Yến Ph số tiền vốn và lãi tính đến ngày 29/8/2018 là 595.638.000đ (Năm trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng) và 06 cây vàng 24K loại 9999 tương đương số tiền 220.680.000 đồng (Hai trăm hai mươi hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

- Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 393, quyền số 01/2017/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/6/2017 giữa ông Võ Văn Nhạo A, bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn V đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng L là vô hiệu.

- Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Võ Văn V đứng tên, cụ thể:

- + Giấy chứng nhận QSDĐ CS01840, thửa số 235, tờ bản đồ số 68, diện tích 3.049m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại xã L1, huyện C, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Võ Văn V ngày 07/7/2017;

- + Giấy chứng nhận QSDĐ CS02081, thửa số 182, tờ bản đồ số 68, diện tích 2.697m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại xã L1, huyện C, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Võ Văn V ngày 07/7/2017;

- + Giấy chứng nhận QSDĐ CS02080, thửa số 268, tờ bản đồ số 67, diện tích 2000m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại xã L1, huyện C, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Võ Văn V ngày 07/7/2017;

- + Giấy chứng nhận QSDĐ CS02781 thuộc tờ bản đồ số 67: Thửa số 59, diện tích 2.140m<sup>2</sup>; Thửa số 135, diện tích 4.882m<sup>2</sup>; Thửa 267, diện tích 2.800m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại xã L1, huyện C, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên & Môi trường

tỉnh An Giang cấp cho ông Võ Văn V ngày 07/7/2017.

- Ông Võ Văn V phải giao trả các quyền sử dụng đất này lại cho ông Võ Văn Nhạo A, bà Nguyễn Thị T. Ông Võ Văn Nhạo A và bà Nguyễn Thị T là người có quyền sử dụng các diện tích đất này. Ông Võ Văn Nhạo A, bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Án sơ thẩm còn tuyên chi phí đo đạc, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/9/2018, ông Võ Văn Nhạo A, bà Nguyễn Thị T, ông Võ Văn V làm đơn kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị T là người đại diện ủy quyền của ông Võ Văn Nhạo A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông Võ Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt. Các bên đương sự không tiến hành hòa giải được, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử theo luật định.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Căn cứ tờ khai nhận của các bên đương sự có đủ căn cứ kết luận bà Nguyễn Thị T có vay của bà Nguyễn Thị Nh 1.500.000.000 đồng và vay của bà Lê Yến Ph 510.000.000 đồng và 06 cây vàng 9999. Số tiền vay không trả cho các bị hại, trong khi đó bà T và ông Nhạo A lại tặng cho quyền sử dụng đất cho con mình là có dấu hiệu tẩu tán tài sản trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Khoản nợ phải trả trong thời kỳ hôn nhân nên ông Nhạo A liên đới cùng bà T trả khoản nợ trên là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ y án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của các Luật sư, quan điểm đại diện Viện Kiểm Sát. Hội đồng xét xử phúc thẩm cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật bởi các lẽ sau:

[1] Về khoản tiền vay: Cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền vay là: Bà Nguyễn Thị T có vay của Bà Nguyễn Thị Nh 1.500.000.000đ, vay của Bà Lê Yến Ph số tiền 510.000.000đ và 06 cây vàng 24k 9999.

[2] Võ Văn Nhạo A (chồng bà T) có phải chịu trách nhiệm liên đới trả tiền cho Bà Nh, Bà Ph không?

Tại phiên Tòa phúc thẩm Bà T cho biết số tiền vay của bà Nh và bà Ph thì ông Nhạo A (chồng Bà) không hề hay biết, nên không thể buộc ông Nhạo A có trách nhiệm liên đới đối với số tiền này.

Trên giấy vay nợ không có chữ ký của ông Võ Văn Nhạo A, tuy nhiên bà T vay là để mua lúa gạo và thức ăn để phục vụ cho cuộc sống chung trong gia



đình, mặt khác trong khoảng thời gian này ông Nhạo A và bà T vẫn chung sống với nhau, nên ông Nhạo A vẫn liên đới chịu trách nhiệm khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân.

Bà T khai đã nhiều lần trả lãi cho bà Nh và bà Ph nhưng nguyên đơn không thừa nhận, bản thân bà T cũng không có chứng cứ chứng minh của mình nên không có căn cứ xem xét. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nhạo A chịu trách nhiệm liên đới cùng bà T trả lại cho bà Nh và bà Ph số tiền vốn và lãi là có căn cứ.

[3] Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nhạo A, bà T với Võ Văn V có hợp pháp không?

Xét thấy rằng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Anh, bà Tần với Võ Văn V là hợp pháp, nhưng đặt nó trong không gian, thời gian và trong điều kiện tài chính lúc đó cho thấy có dấu hiệu tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ thể hiện ở chỗ:

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất diễn ra sau khi bà T xác nhận tiền vay mượn của bà Nh, bà Ph. Bà T, ông Nhạo A có nợ số tiền, vàng của bà Nh, bà Ph. Ông Nhạo A và bà T không có tài sản nào khác để trả khoản nợ trên ngoài quyền sử dụng đất Nhà nước đã cấp cho mình nhưng lại đi tặng cho quyền sử dụng đất cho người khác là việc làm có tính toán, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Tòa án cấp sơ thẩm hủy hợp đồng tặng cho và hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Võ Văn V là đúng.

Từ những phân tích trên bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn Nhạo A, bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn V. Giữ y án sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nhạo A, bà T, ông V phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn Nhạo A, bà Nguyễn Thị T, ông Võ Văn V. Giữ y án sơ thẩm số 75/2018/DS-ST ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Áp dụng Điều 475; 476 Bộ Luật Dân Sự 2005; Điều 278, Điều 280; 357; 463, Điều 466; 468 Bộ Luật Dân Sự 2015.

Áp dụng Điều 25; Điều 27 Luật Hôn Nhân Gia Đình 2013.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 qui định án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Buộc ông Võ Văn Nhạo A, bà Nguyễn Thị T phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền vốn và lãi tính đến ngày 29/8/2018 là 1.693.562.000đ (Một tỷ sáu trăm chín mươi ba triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

- Buộc ông Võ Văn Nhạo A, bà Nguyễn Thị T phải liên đới trả cho bà Lê Yến Ph số tiền vốn và lãi tính đến ngày 29/8/2018 là 595.638.000đ (Năm trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng) và 06 cây vàng 24K loại 9999 tương đương số tiền 220.680.000 đồng (Hai trăm hai mươi hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

- Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 393, quyền số 01/2017/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/6/2017 giữa ông Võ Văn Nhạo A, bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn V đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Lý Thanh Dũng là vô hiệu.

- Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Võ Văn V đứng tên, cụ thể:

+ Giấy chứng nhận QSDĐ CS01840, thửa số 235, tờ bản đồ số 68, diện tích 3.049m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại xã L1, huyện C, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Võ Văn V ngày 07/7/2017;

+ Giấy chứng nhận QSDĐ CS02081, thửa số 182, tờ bản đồ số 68, diện tích 2.697m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại xã L1, huyện C, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Võ Văn V ngày 07/7/2017;

+ Giấy chứng nhận QSDĐ CS02080, thửa số 268, tờ bản đồ số 67, diện tích 2000m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại xã L1, huyện C, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Võ Văn V ngày 07/7/2017;

+ Giấy chứng nhận QSDĐ CS02781 thuộc tờ bản đồ số 67: Thửa số 59, diện tích 2.140m<sup>2</sup>; Thửa số 135, diện tích 4.882m<sup>2</sup>; Thửa 267, diện tích 2.800m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại xã L1, huyện C, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Võ Văn V ngày 07/7/2017.

- Ông Võ Văn V phải giao trả các quyền sử dụng đất này lại cho ông Võ Văn Nhạo A, bà Nguyễn Thị T. Ông Võ Văn Nhạo A và bà Nguyễn Thị T là người có quyền sử dụng các diện tích đất này. Ông Võ Văn Nhạo A, bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Về án phí: Ông Võ Văn Nhạo A và bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn V phải chịu án phí phúc thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010506 ngày 10/9/2018 đối với bà Nguyễn Thị T, theo biên lai thu số 0010505 ngày 10/9/2018 đối với ông Võ Văn Nhạo A, theo biên lai thu số 0010504 ngày 10/9/2018 đối với anh Võ Văn V của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang thành án phí phúc thẩm.

Các nội dung khác của quyết định sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Người khởi kiện;
- Người bị kiện;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thành Văn**